



NIÊM YẾT CỦA SAU DƯỚI GÓC ĐỘ KẾ TOÁN

Vũ Khôi Nguyên

Bài viết này nhằm giới thiệu sơ nét về khái niệm “Niêm yết cửa sau” (*Listing backdoor*) hay “Sáp nhập ngược” (*Reverse merger*) để từ đó hướng dẫn cách thức kế toán cho các loại giao dịch này dưới hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam. Theo đó, tác giả đã phân chia “Sáp nhập ngược” (*Reverse merger*) thành hai loại chính: (i) Một công ty cổ phần nội bộ sáp nhập ngược với một công ty niêm yết có hoạt động kinh doanh, trường hợp này tác giả kiến nghị áp dụng chuẩn mực kế toán Việt Nam VAS11 (*Hợp nhất kinh doanh*) để xử lý; (ii) Một công ty cổ phần nội bộ sáp nhập ngược với một công ty vỏ sò¹ không có hoạt động kinh doanh, trường hợp này tác giả vận dụng cách xử lý theo chuẩn mực kế toán quốc tế IFRS để xử lý, do chuẩn mực kế toán Việt Nam chưa đề cập chi tiết vấn đề này. Cuối cùng là những vận dụng của sáp nhập ngược ở Việt Nam mà tác giả cho rằng có thể được thực hiện hiệu quả cao khi có những hướng dẫn kế toán phù hợp, đảm bảo công bố thông tin trung thực và hợp lý.

Đặt vấn đề

Thị trường chứng khoán (TTCK) Việt Nam đang ở trong giai đoạn phát triển và đang dần hoàn thiện mình. Ngày càng có nhiều công ty muốn niêm yết trên TTCK để thu hút vốn đầu tư. Niêm yết cửa sau (NYCS) đang trở nên phổ biến vì nó giúp cho các công ty rút ngắn thời gian cũng như chi phí niêm yết cửa trước. Đây có thể là một hướng đi mà Ủy ban Chứng khoán nên cân nhắc để tăng sức hút của TTCK. Mặc dù NYCS là một khái niệm đã được áp dụng khá phổ biến trên thế giới, đặc biệt là ở các TTCK phát triển như Hoa Kỳ, Canada, Hongkong... nhưng ở Việt Nam, khái niệm này vẫn còn được biết đến một

cách hạn chế. Trong phạm vi bài báo tác giả chỉ trình bày một khía cạnh của NYCS, đó chính là “NYCS dưới góc độ kế toán”.

Sáp nhập ngược (SNN) hay NYCS

SNN đang được biết đến ở hầu hết các TTCK trên thế giới: SNN - (cũng còn được biết đến là reverse take-over – RTO – tiếp quản ngược) là phương pháp để công ty cổ phần nội bộ (private company) có thể trở thành một công ty cổ phần đại chúng (public company) niêm yết trên TTCK (Kim Thoa, 2008). Quá trình SNN được diễn ra theo cách, một công ty đại chúng phát hành cổ phần mới cho cổ đông của công ty cổ phần nội bộ với số

lượng lớn đến nỗi cuối cùng cổ đông của công ty cổ phần nội bộ lại trở thành cổ đông đa số, sở hữu phần lớn cổ phiếu (thường trên 80%) của công ty cổ phần đại chúng, dẫn đến nắm quyền kiểm soát của cả tập đoàn.

NYCS xảy ra khi việc phát hành chứng khoán của một công ty niêm yết dẫn đến, trực tiếp hoặc gián tiếp, việc thu tóm một công ty không niêm yết đối với công ty niêm yết và thay đổi quyền kiểm soát thực tế của công ty niêm yết. Một giao dịch là nguyên nhân kéo theo hệ quả NYCS, có thể diễn ra dưới một số hình thức như: phát hành chứng khoán để tăng vốn, hợp nhất hoặc sáp nhập. Những giao dịch này thường được coi là NYCS

¹ Các công ty vỏ sò là các công ty có tài sản chủ yếu là tiền mặt, không có tài sản cố định, chỉ còn một vài khoản nợ với Chính Phủ và một vỏ bọc niêm yết cũng như không có hoạt động nào.

nếu chúng sẽ (hoặc có thể sẽ) dẫn tới kết quả là người nắm giữ chứng khoán của công ty niêm yết sở hữu dưới 50% số chứng khoán hoặc quyền kiểm soát của công ty, kèm theo đó là sự thay đổi quyền kiểm soát thực tế của công ty niêm yết (TSX Group Inc, 2007, article 626).

Từ hai khái niệm trên về SNN và NYCS, chúng ta sẽ rất dễ nhầm lẫn rằng hai khái niệm này là một. Nhưng không phải như vậy, NYCS thực chất là hệ quả của các giao dịch SNN. SNN thể hiện cách thức kết hợp của hai công ty cổ phần đại chúng và cổ phần nội bộ, còn NYCS là kết quả của sự kiện kết hợp này. Do đó, chúng ta phải áp dụng phương thức kế toán cho SNN để thể hiện quá trình NYCS. Trong thực tế, NYCS có thể được thực hiện trong hai trường hợp: (i) Một công ty cổ phần nội bộ SNN với một công ty niêm yết có hoạt động kinh doanh; (ii) Một công ty cổ phần nội bộ SNN với một công ty niêm yết vô sò.

Kế toán cho SNN

Trước tiên, chúng ta cần xác định rõ rằng giao dịch SNN theo trường hợp thứ nhất giữa hai công ty có hoạt động kinh doanh là một hình thức hợp nhất kinh doanh, vì thế nó cũng sẽ bị chi phối bởi chuẩn mực kế toán VAS 11 (hợp nhất kinh doanh). Theo đó, mọi trường hợp hợp nhất

kinh doanh đều phải được kế toán theo phương pháp mua, nên SNN sẽ được hạch toán theo phương pháp mua.

Xác định bên mua thực trong SNN

Để tránh bị nhầm lẫn trong việc xác định bên mua, tác giả xin đưa ra một ví dụ miêu tả việc kế toán cho giao dịch SNN giữa công ty A mua lại công ty B như sau (số liệu kế toán ban đầu của công ty A và B, số liệu kế toán giả định được mô tả trên Bảng cân đối kế toán):

Bảng cân đối kế toán giả định của công ty A và B trước sáp nhập

	A	B
	Đơn vị tiền tệ	Đơn vị tiền tệ
Tài sản lưu động	5.000	7.000
Tài sản cố định	13.000	30.000
Tổng tài sản	18.000	37.000
Nợ ngắn hạn	3.000	6.000
Nợ dài hạn	4.000	11.000
Tổng nợ	7.000	17.000
Lợi nhuận giữ lại	8.000	14.000
Giá trị các công cụ vốn đã phát hành		
Vốn điều lệ	2.000	1.200
Thặng dư vốn cổ phần	1.000	4.800

Công ty A mua hết cổ phần của công ty B nhưng trả cho cổ đông của công ty B bằng chính cổ phiếu phát hành thêm của mình. Ban đầu, công ty A có 1.000 cổ phiếu đang lưu hành, còn công ty B có 600 cổ phiếu đang lưu hành. A và B đã đồng ý trao đổi cổ phiếu với nhau với tỷ lệ 2,5:1 (tức là 1 cổ phiếu

của B sẽ đổi bằng 2,5 cổ phiếu của A) với các giả định sau:

- Ngày 30/9/20X6, A phát hành thêm 2,5 cổ phần để trao đổi cho mỗi cổ phần của công ty B. Mọi cổ đông của B đều đồng ý trao đổi cổ phần của họ. Vì thế A sẽ phát hành thêm 1.500 cổ phần để trao đổi hết 600 cổ phần của công ty B.
- Giá trị hợp lý của mỗi cổ phần của công ty B ngày 30/9/20X6 là 40 đơn vị tiền tệ (đơn vị tiền tệ). Giá niêm yết của mỗi cổ phiếu công ty A trên sàn tại ngày đó là 16 đơn vị tiền tệ.

- Giá trị hợp lý của tài sản ròng của công ty A đều được định giá bằng đúng giá trị sổ sách, ngoại trừ giá trị hợp lý của tài sản cố định của công ty A là 15.000 đơn vị tiền tệ. Vậy trong trường hợp SNN, dựa vào điểm 20 Chuẩn mực kế toán VAS11, chúng ta có thể dễ dàng xác định được



B là bên mua trong giao dịch SNN này. Vì B có giá trị hợp lý cao hơn A và sau khi sáp nhập chủ sở hữu của B sẽ có quyền chi phối việc bổ nhiệm các thành viên trong ban lãnh đạo doanh nghiệp hình thành từ hợp nhất kinh doanh. Nói chính xác hơn, chủ sở hữu cũ của B nắm quyền kiểm soát tập đoàn hình thành sau SNN. Vì theo thông tin của ví dụ, thì sau khi trao đổi cổ phiếu, cổ đông của của B nắm 1.500 trong tổng số 2.500 cổ phần của A, nắm giữ 60% quyền sở hữu nên sẽ nắm quyền kiểm soát A.

Vậy tóm lại trong một giao dịch SNN sẽ có hai chủ thể với vị thế đối nghịch nhau về mặt pháp lý và mục đích kế toán: (i) Bên mua pháp lý (legal acquirer) sẽ là bên bị mua theo mục đích kế toán (the accounting aquiree); (ii) Bên bị mua pháp lý (legal acquiree) sẽ là bên mua theo mục đích kế toán (the accounting acquirer).

Có thể sơ lược về tương quan giữa A và B theo hình thức pháp lý hay bản chất kế toán, như sau:

Tên của chủ thể ghi trên cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất sẽ được mang tên của công ty mua pháp lý A. Mặc dù tất cả những thông tin được công bố về các khoản mục trên báo cáo tài chính được xem là sự tiếp nối của báo cáo tài chính của công ty bị mua pháp lý B hay công ty mua theo mục đích kế toán.

Giá phí hợp nhất kinh doanh (Consideration transferred)

Do bên mua pháp lý trong trường hợp này không còn là bên mua theo mục đích kế toán nữa vì thế chúng ta không thể xác định giá phí hợp nhất kinh doanh theo cách thông thường là lấy số cổ phiếu mới phát hành thêm

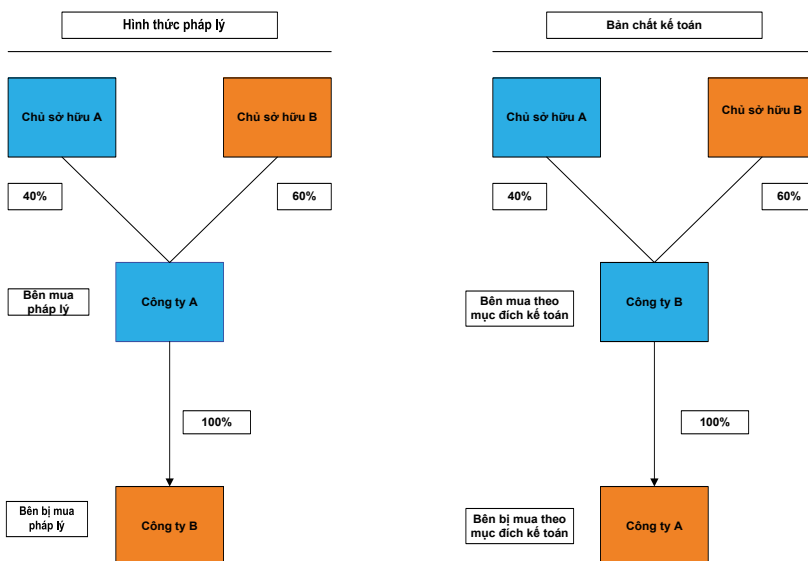
của công ty niêm yết dùng để trao đổi nhân với giá trị hợp lý của nó. Vì lúc này giá mua phải được xác định từ bên mua thực sự là công ty bị mua pháp lý.

Theo IFRS 3 (2008) và phụ lục A VAS 11, thì giá phí hợp nhất phải được xác định bằng cách thực hiện theo các bước: (i) Tính toán được giá trị hợp lý của mỗi cổ phần của hai công ty; (ii) Sau khi hợp đồng trao đổi được thực hiện thì chủ sở hữu cũ của công ty bị mua pháp lý chiếm quyền sở hữu bao nhiêu phần trăm ($X \% > 50\%$) của công ty mua pháp lý; (iii) Tính toán lại số cổ phiếu (Y) của công ty bị mua pháp lý phải phát hành cho công ty mua pháp lý trong trường hợp giả sử công ty bị mua pháp lý thực hiện sáp nhập xuôi để có được X % quyền sở hữu sau sáp nhập; (iv) Thực hiện phép nhân của Y với giá trị hợp lý của mỗi cổ phần công ty bị mua pháp lý để tính được giá phí hợp nhất kinh doanh.

Như vậy từ ví dụ ở trên, có thể tính giá phí hợp nhất như sau:

Giá trị hợp lý của mỗi cổ phiếu A là 16 đơn vị tiền tệ, mỗi cổ phiếu B là 40 đơn vị tiền tệ (như giả thiết của ví dụ). Sau khi giao dịch trao đổi cổ phiếu được thực hiện thì chủ sở hữu cũ của B nắm giữ 1.500 cổ phiếu trong số tổng 2.500 cổ phiếu đã phát hành của A, chiếm tỷ lệ $1.500/2.500 = 60\%$.

Giả sử rằng đây là một cuộc sáp nhập xuôi do B tiến hành



để sáp nhập A vào B. Và B sẽ phát hành Y cổ phiếu để đổi lấy 100 % cổ phiếu của A. Như phần hướng dẫn phía trên thì ta phải tính số cổ phiếu mà B phải phát hành mới để sau khi sáp nhập, chủ sở hữu của B chiếm 60% cổ phiếu của công ty mới sau sáp nhập. Ta có công thức: $600 / (600 + Y) = 60\%$. Như vậy B phải phát hành thêm 400 cổ phiếu nữa.

Giá phí hợp nhất kinh doanh được tính = 400 cổ phiếu * 40 đơn vị tiền tệ = 16.000 đơn vị tiền tệ.

Tính toán này hợp lý vì giá phí hợp nhất kinh doanh dù trong hình thức hợp nhất nào đều phải được xác định thông qua bản chất kế toán của nó. Đó là giá phí mà công ty mua thực sự phải trả để có được X % quyền sở hữu của công ty mua pháp lý sau khi hợp nhất.

Trường hợp ngoại lệ, nếu giá trị hợp lý của công cụ vốn của công ty bị mua pháp lý không phải là bằng chứng rõ ràng, thì tổng giá trị hợp lý của tất cả các công cụ vốn đã phát hành của công ty mẹ trước hợp nhất sẽ được sử dụng làm cơ sở để tính toán giá phí hợp nhất kinh doanh (Chuẩn mực kế toán Việt Nam VAS 11).

Giá trị tài sản thuần (Net asset)

Trước khi thực hiện các bút toán hợp nhất, thì giá trị của tài sản thuần của hai công ty phải được xác định theo đúng bản chất

kế toán của nó: (i) Giá trị tài sản thuần của công ty mua theo mục đích kế toán hay công ty bị mua pháp lý, phải được xác định ở giá trị còn lại trên sổ sách của nó trước khi sáp nhập. Vì sau khi sáp nhập, báo cáo tài chính hợp nhất được thực hiện trên giả thiết là sự tiếp tục của công ty bị mua pháp lý; (ii) Giá trị tài sản thuần của công ty bị mua theo mục đích kế toán phải được xác định lại ở giá trị hợp lý tại ngày mua theo chuẩn mực VAS 11 về hợp nhất kinh doanh. Tài sản thuần được xác định phải bao gồm tất cả tài sản, nợ phải trả và cả nợ tiềm tàng.

Cách tính toán Lợi thế thương mại (Goodwill)

Lợi thế thương mại trong tình huống này cũng được tính như

Giá phí hợp nhất kinh doanh		16.000
Trừ giá trị hợp lý của giá trị tài sản thuần của A		(13.000)
Tài sản lưu động	5.000	
Tài sản cố định	15.000	
Nợ ngắn hạn	(3.000)	
Nợ dài hạn	(4.000)	
Lợi thế thương mại		3.000

hợp nhất kinh doanh theo hình thức thông thường là lấy giá phí hợp nhất kinh doanh trừ cho giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty bị mua theo mục đích kế toán:

Vốn chủ sở hữu của công ty mua pháp lý sau khi sáp nhập

Trong vốn chủ sở hữu của công ty niêm yết có thể có nhiều loại, nhiều quỹ khác

nhau. Về cơ bản vốn chủ sở hữu của một công ty cổ phần có ba thành phần chính đó là: (i) Vốn điều lệ; (ii) Thặng dư vốn cổ phần; (iii) Lợi nhuận giữ lại (có thể nằm ở dưới dạng nhiều quỹ khác nhau). Trong ba thành phần này thì vốn điều lệ và thặng dư vốn có tính chất giống nhau và được gọi là giá trị của các công cụ vốn đã phát hành hay vốn đầu tư của chủ sở hữu. Sau khi SNN, thì vốn chủ sở hữu phải được xác định lại theo các yêu cầu sau đây:

Vốn dưới dạng cổ phiếu đã phát hành của công ty sau khi sáp nhập sẽ được định bằng các bước sau: (i) Số cổ phiếu thể hiện cho số vốn điều lệ sẽ là số cổ phiếu đang lưu hành của công ty mua pháp lý sau khi đã phát hành cổ phiếu mới để mua lại công ty bị mua pháp lý; (ii) Cần xác

định giá trị của các công cụ vốn đã phát hành sau sáp nhập, giá trị này sẽ bằng giá trị của các công cụ vốn đã phát hành của công ty bị mua pháp lý cộng với giá phí hợp nhất kinh doanh; (iii) Vốn điều lệ sẽ có giá trị tương ứng với mệnh giá nhân với số cổ phiếu đã phát hành của công ty mua pháp lý; (iv) Thặng dư vốn là phần còn lại của giá trị

của các công cụ vốn đã phát hành sau khi trừ ra số vốn điều lệ; (v) Lợi nhuận giữ lại và số dư các khoản mục khác trong vốn chủ sở hữu được ghi nhận trong báo cáo tái chính hợp nhất này theo giá trị của chúng trong báo cáo của công ty con trước khi hợp nhất kinh doanh (Chuẩn mực kế toán Việt Nam VAS 11).

Trong ví dụ, áp dụng theo hướng dẫn trên ta tính được vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày mua :

- Lợi nhuận giữ lại là lợi nhuận giữ lại của công ty B mua theo mục đích kế toán 14.000.
- Số cổ phần thể hiện số vốn điều lệ là số cổ phần của công ty A công ty mua pháp lý sau khi phát hành thêm là $1.500 + 1.000 = 2.500$ (cổ phần).
- Giá trị của các công cụ vốn đã phát hành sẽ bằng giá trị của các công cụ vốn đã phát hành của công ty mua theo mục đích kế toán B cộng với giá phí hợp nhất : $600 + 16.000 = 22.000$ (đơn vị tiền tệ).



- Vốn điều lệ = số cổ phần đã phát hành nhân với mệnh giá

Bảng cân đối kế toán sáp nhập của A và B

Đơn vị tính: đơn vị tiền tệ

	B trước sáp nhập (*)	Bút toán ghi sổ		B sau sáp nhập
		Nợ	Có	
Tài sản ngắn hạn	7,000	5,000		12,000
Tài sản dài hạn	30,000	15,000		45,000
Lợi thế thương mại		3,000		3,000
Tổng tài sản	37,000			60,000
Nợ ngắn hạn	6,000		3,000	9,000
Nợ dài hạn	11,000		4,000	15,000
Tổng nợ	17,000			24,000
Vốn điều lệ (**)	1,200		3,800	5,000
Thặng dư vốn cổ phần	4,800		12,200	17,000
Lợi nhuận giữ lại	14,000			14,000
Tổng vốn chủ sở hữu	20,000			36,000
Tổng nguồn vốn	37,000			60,000

(*) Xem bảng cân đối kế toán giả định trang 56

(**) Vốn điều lệ này đại diện cho 2.500 cổ phiếu đã phát hành, mệnh giá của mỗi cổ phiếu là 2 đơn vị tiền tệ

= $2.500 \times 2 = 5.000$ (đơn vị tiền tệ).

- Thặng dư vốn cổ phần = $22.000 - 5.000 = 17.000$ (đơn vị tiền tệ).

Báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày mua

Trường hợp một công ty cổ phần nội bộ sáp nhập với một công ty vô sò

Trong trường hợp này, khi một công ty cổ phần nội bộ

không được coi là một hợp nhất nhất kinh doanh vì các công ty này không thỏa mãn định nghĩa là một “hoạt động kinh doanh” theo yêu cầu của VAS11. Theo quan điểm của các chuẩn mực kế toán quốc tế và chuẩn mực kế toán của Úc đã có sự tương đồng với nhau trong việc nhìn nhận về giao dịch này.

“Dưới chuẩn mực kế toán quốc tế IFRS 3, những loại giao dịch như trên không được coi là hợp nhất kinh doanh (cụ thể là mua ngược). Phương pháp kế toán thích hợp để phản ánh giao dịch này là tái cấu trúc vốn hay mua tài sản.” (Chuẩn mực kế toán quốc tế IFRS 3).

“Những loại giao dịch này không được coi là hợp nhất kinh doanh dưới chuẩn mực kế toán Úc AASB 3 (2008). Giao dịch này chỉ được xem như là công ty dùng cổ phiếu của mình để trao đổi tiền mặt và tình trạng đạt được niêm yết, nó chịu chi phối của chuẩn mực về “Các giao dịch thanh toán dựa trên cổ phiếu” AASB 2 (share based transaction)” (BOD, 2010).

Nếu những giao dịch thỏa mãn định nghĩa trên thì hàng hóa và dịch vụ nhận được và sự gia tăng của các công cụ vốn phải được đo lường và ghi nhận tại giá trị hợp lý của hàng hóa và dịch vụ đó. Nếu như giá trị hợp lý của hàng hóa và dịch vụ không được đo lường một cách đáng tin cậy thì giá trị hợp lý của các công cụ vốn được dùng để thay thế (Chuẩn mực kế toán quốc tế IFRS 2). Tác giả áp dụng IFRS 2 đưa ra bút toán sau đây dùng để lập báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày mua:

Trên đây là phần nêu ra cơ sở để tác giả đưa ra hướng giải quyết tình huống SNN không là một hợp nhất kinh doanh. Khi đó, toàn bộ tài sản thuần của công ty niêm yết được coi là các hàng hóa được bên đi mua mua lại và thanh toán bằng cổ phiếu.

Một số ứng dụng của SNN có thể áp dụng ở Việt Nam

Giúp công ty Việt Nam thực hiện huy động vốn trên thị trường quốc tế

Trong nền kinh tế Việt Nam hiện nay, việc huy động vốn đầu tư vào các dự án kinh doanh đang hết sức cần thiết. Việt Nam có nhân công, tài nguyên dồi dào nhưng việc thiếu vốn đầu tư đang ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng. Vì thế huy động vốn đầu tư nước ngoài là hết sức cần thiết để bổ sung vào vốn đầu tư trong nước. Con đường trở thành một công ty niêm yết ở TTCK nước ngoài là một cách hữu hiệu để quảng bá cũng như huy động vốn cho công ty Việt Nam. Trong nhiều cách thì, SNN để tiến hành NYCS là con đường hữu hiệu để tiến hành niêm yết. Nó giúp công ty Việt Nam tiết kiệm chi phí, tiết kiệm thời gian, cũng như là làm đơn giản thủ tục

niêm yết. Mặc dù hiện tại đã có một vài công ty tiến hành niêm yết thành công, nhưng số lượng chưa nhiều, bằng việc am hiểu cận kề về SNN cũng như kế toán của nó, sẽ giúp công ty Việt Nam mạnh dạn hơn trong việc NYCS trên các thị trường các nước.

SNN là một lựa chọn hợp lý cho các công ty niêm yết có nguy cơ phá sản hoặc chuẩn bị giải thể

Đối với các công ty niêm yết có hoạt động kinh doanh kém, có nguy cơ phá sản hay không còn muốn hoạt động kinh doanh nữa, thì việc tham gia vào một vụ SNN là một lựa chọn khá tốt. Vì khi tham gia SNN họ sẽ có những lợi ích xác định như: (iii) Quá trình đệ đơn xin phá sản hay xin giải thể có thể tốn rất nhiều thời gian và thủ tục rườm rà, trong khi đó, có một bên luôn sẵn sàng chấp nhận mua một vỏ bọc sẽ làm cho quá trình SNN xảy ra nhanh chóng trong ba tháng; (ii) Tiết kiệm chi phí tòa án cho việc xin phá sản của các cổ đông, vì chi phí SNN thường được gán chịu bởi bên mua; (iii) Thu được một khoản thu nhập do bán vỏ bọc niêm yết, vì theo thông lệ việc bán một vỏ bọc niêm yết thì bên mua phải chấp nhận trả một khoản phí ngoài, đó có thể là tiền, cũng có thể là 5% đến 15% số cổ phần sau sáp nhập.

<i>Nợ Tài sản thuần</i>	: <i>Giá trị hợp lý của tài sản thuần</i>
<i>Có Giá trị của công cụ vốn đã phát hành</i>	: <i>Giá trị hợp lý của tài sản thuần</i>



thế giới thì TTCK Việt Nam còn khá non trẻ. Ủy ban Chứng khoán và cơ quan chức năng còn phải làm nhiều điều để TTCK trở nên năng động hơn, hiệu quả hơn, thu hút được nhiều vốn đầu tư hơn cho nền kinh tế. Nội dung bài báo này chỉ là sự góp nhặt kiến thức và kinh nghiệm về kế toán cho các giao dịch SNN của các nước để nhằm giới thiệu tới bạn đọc, đưa ra các kiến nghị để hoàn chỉnh hệ thống kế toán cũng như mở đường cho NYCS ở Việt Nam. Với những sự chuẩn bị kỹ lưỡng về pháp lý, kiến thức, cũng như là nền tảng kế toán, tác giả tin rằng NYCS sẽ là một lựa chọn hợp lý của các doanh nghiệp trong tương lai của một TTCK tiến bộ, phát triển và năng động■

Tài liệu tham khảo

1. Chuẩn mực kế toán Việt Nam VAS 11, Phụ lục A,
2. Chuẩn mực kế toán quốc tế IFRS 2.
3. Chuẩn mực kế toán quốc tế IFRS 3.
4. Kim Thoa (2010), Vận dụng sáp nhập ngược, <http://www.tapchichungkhoan.net/ShowNewsDetails.aspx?mid=28&IDNews=51&magid=7>.
5. BOD (2010), BOD Accounting News October 2010, http://www.bdo.com.au/_data/assets/pdf_file/0019/114355/0774-Accounting-News_OCT_v2.pdf
6. IFRS3 (2008), A guide to the revised IFRS3 and IAS 27, Deloitte. https://www.deloitte.com/view/en_BE/be/insights/publications/aerspublications/4e7fbb4b7100e110VgnVCM100000ba42f00aRCRD.htm
7. TSX Group (2007), Toronto Stock Exchange Copany Manual.

SNN có thể giúp các công ty nhà nước cổ phần hóa

Trong thời gian hiện tại, Chính phủ đang có chủ trương chuyển đổi loại hình các công ty nhà nước và cổ phần hóa công ty nhà nước, nhưng quá trình này còn chậm vì xảy ra nhiều bất cập trong quá trình chuyển đổi, vì thế SNN có thể là một phương án hiệu quả giúp các công ty nhà nước cổ phần hóa một cách nhanh chóng. Như chúng ta đã biết nếu ở Việt Nam có tồn tại những công ty dạng công ty vỏ sò, thì các công ty nhà nước hoàn toàn có thể sáp nhập với các công ty vỏ sò này để cổ phần hóa, vì SNN

với một công ty vỏ sò hoàn toàn không làm thay đổi tài sản thuần, mà chỉ giúp doanh nghiệp nhà nước tái cơ cấu vốn chủ sở hữu, có thể từ một loại hình khác thành một công ty cổ phần. Nhưng đây cũng chỉ là một cách thức, việc quan trọng nhất trong việc cổ phần hóa công ty nhà nước vẫn là định giá tài sản thuần.

Kết luận

TTCK Việt Nam đã đánh dấu hơn 10 năm sự tồn tại và phát triển mạnh mẽ đã góp phần vào sự tăng trưởng của nền kinh tế đất nước trong thời gian qua. Nhưng có thể nói rằng, nếu so sánh với các quốc gia khác trên